CÔNG VĂN ĐẾN Số: 758
Ngày 11 tháng 3 năm 2016

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /2016/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 08 tháng 3 năm 2016*

-BQP
-PXDVB

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ an toàn đập hồ chứa nước và khai thác tổng hợp tài nguyên, môi trường các vùng lòng hồ chứa nước thuỷ điện, thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 14/12/2004;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường các hồ chứa thủy lợi, thủy điện;

Căn cứ Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 33/2008/TT-BNN ngày 04/02/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều thuộc Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07/10/2010 của Bộ Công Thương về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12/4/2012 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Căn cứ thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn hồ chứa nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 541/TTr-SNN ngày 24 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ an toàn đập hồ chứa nước và khai thác tổng hợp tài nguyên, môi trường các vùng lòng hồ chứa nước thuỷ điện, thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày ngày 13/9/2012 ban hành Quy định quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường vùng hồ chứa thủy điện Bắc Hà.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Ban Biên tập Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TH, CT, NLN.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 08 tháng 3 năm 2016

QUY ĐỊNH
Về quản lý, bảo vệ an toàn đập hồ chứa nước và khai thác tổng hợp tài nguyên, môi trường các vùng lòng hồ chứa nước thuỷ điện, thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng quản lý, thực hiện

1. Phạm vi: quy định việc áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành để quản lý, bảo đảm an toàn đập hồ chứa nước và các hoạt động quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường các vùng lòng hồ chứa nước thuỷ điện, thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng quản lý trong quy định này gồm các công trình đập hồ chứa nước do Nhà nước hoặc doanh nghiệp đầu tư và các hồ do dân tự tạo;

3. Đối tượng thực hiện gồm: Chủ đập, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia xây dựng đập tạo hồ chứa nước, tham gia khai thác các tiềm năng khác của hồ chứa như khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản; khai thác sử dụng đất, khai thác vật liệu xây dựng, mở dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch, vận tải thuỷ, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lập dự án đầu tư trong vùng lòng hồ; Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm quản lý các hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác công trình và khai thác tài nguyên môi trường vùng lòng hồ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *"Vùng lòng hồ chứa nước"* là vùng tích nước của hồ chứa nước kể từ mực nước lớn nhất kiểm tra trở xuống.

2. *"Vùng bảo vệ hồ chứa"* là vùng được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ;

3. *"Đất vùng bán ngập"* là phần diện tích đất thuộc vùng lòng hồ nhưng không bị ngập nước thường xuyên, thời gian bị ngập nước trong năm tùy thuộc vào quy trình vận hành của từng hồ nhưng không quá sáu (06) tháng, thời điểm ngập xác định được.

4. *"Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước hồ":*

a) Đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi có dung tích toàn bộ lớn hơn một tỷ m^3 hoặc có dung tích từ mười triệu m^3 đến một tỷ m^3 nhưng nằm ở địa bàn dân

cư tập trung, địa bàn có công trình quốc phòng, an ninh thì phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên có cao trình bằng mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ;

b) Đối với các loại hồ chứa thủy điện, thủy lợi khác, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước là vùng tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ.

5. *"Vùng cấm thủy thuộc khu truyền năng lượng của hồ thủy điện"* là vùng mặt nước gần cửa cống tháo nước phát điện hoặc tràn xả lũ có vận tốc dòng chảy lớn nguy hiểm cho hoạt động của người khi tháo nước phát điện hoặc xả lũ, chủ đập cần cắm các phao báo cấm các hoạt động trong vùng này.

6. *"Vùng hạ du hồ chứa nước"* là vùng diện tích tự nhiên nằm phía sau đập, chịu ảnh hưởng trực tiếp ngập lụt do việc xả lũ, xả sự cố của hồ chứa hoặc liên hồ chứa.

7. *"Lập hành lang bảo vệ đập, hồ chứa nước"* là công việc cắm cọc mốc trên cạn hoặc dưới nước để xác định phạm vi vùng bảo vệ hồ, phạm vi bảo vệ nguồn nước hồ chứa, phạm vi vùng bán ngập; phạm vi khu vực nguy hiểm, phạm vi bảo vệ các công trình đập, tràn xả lũ, công trình khác có liên quan và cắm các biển cảnh báo nguy hiểm, biển báo hạn chế tải trọng đối với đập kết hợp giao thông theo quy định của pháp luật.

8. *"Chủ đập"* là tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được chủ sở hữu đập giao quản lý, khai thác hồ chứa. Đối với các hồ thuỷ lợi đã được UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp xã tổ chức quản lý thì Chủ đập là Chủ tịch UBND cấp xã.

9. *"Đảm bảo an toàn đập"* là bảo đảm an toàn cho bản thân công trình đập, hồ chứa nước và đảm bảo an toàn về người, tài sản vùng lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa nước.

10. "*Hồ do dân tự tạo*" là các hồ ao do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư đắp đập chắn ngang khe suối.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo đảm an toàn đập và khai thác tổng hợp tài nguyên, môi trường các hồ chứa nước

1. Bảo đảm an toàn đập là ưu tiên cao nhất và được thực hiện thường xuyên liên tục trong quá trình xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa nước; Công tác bảo đảm an toàn đập phải phân công rõ trách nhiệm và bố trí đủ nguồn lực để thực thi nhiệm vụ một cách chủ động.

2. Việc xây dựng tạo hồ chứa nước phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lợi dụng khai thác, sử dụng tổng hợp tài nguyên môi trường các hồ chứa phải đảm bảo an toàn cho hồ đập, đảm bảo dòng chảy tối thiểu theo quy định, không ảnh hưởng đến các mục tiêu, nhiệm vụ chính của hồ chứa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra trên lưu vực hồ chứa và hạ du hồ chứa nước.

4. Ưu tiên các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp đang cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã, đặc biệt là các hộ bị thu hồi đất sản xuất nông, lâm nghiệp nơi có hồ chứa được thuê đất, mặt nước trong vùng bảo vệ hồ để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản nhằm tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

5. Mọi hoạt động kết hợp khai thác sử dụng tài nguyên nước vùng lòng hồ chứa nước phải phụ thuộc vào chế độ vận hành điều tiết nước thường xuyên, chế độ vận hành đột xuất của chủ đập.

6. Tổ chức cá nhân tham gia hoạt động, điều khiển phương tiện trên mặt nước hồ phải có đủ năng lực và đảm bảo an toàn theo quy định pháp luật.

7. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng mới các công trình và thực hiện các hoạt động khai thác, sản xuất, dịch vụ trong vùng lòng hồ phải không gây thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy, phù hợp với đặc điểm, sức chịu tải, khả năng tự làm sạch của hồ chứa nước và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhiều chủ thể cùng khai thác trong vùng lòng hồ thì việc bố trí mặt bằng đặt các thiết bị phải phân định rõ phạm vi, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của chủ thể khác.

8. Việc quản lý an toàn đập, bảo vệ, phát triển tài nguyên và môi trường các hồ chứa nước phải trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước, thể chế, pháp luật, phân công rõ trách nhiệm của chủ sở hữu đập, chủ đập, các cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý Nhà nước ở địa phương về thủy điện, thủy lợi, UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý an toàn đập và tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hồ chứa.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Đầu tư xây dựng đập tạo hồ chứa nước trái với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trái với các quy định pháp luật về xây dựng công trình, làm tăng nguy cơ mất an toàn cho khu vực hạ du.

2. Xả chất thải, rác thải trái phép và các hoạt động gây ô nhiễm; chặt phá, khai thác tài nguyên rừng trái phép làm suy thoái nguồn nước; làm biến dạng địa hình; làm mất cảnh quan môi trường hồ chứa.

3. Lấn chiếm đất đai; xây dựng mới công trình trái phép, huỷ hoại hoặc làm hư hỏng các công trình liên quan của hồ chứa, các công trình di sản cần bảo tồn và các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội khác trong vùng lòng hồ và hành lang bảo vệ đập.

4. Khai thác thuỷ sản có tính chất huỷ diệt gồm khai thác các loài thuộc danh mục cấm, khai thác thuỷ sản chưa trưởng thành nhỏ hơn kích cỡ quy định, khai thác thuỷ sản ở khu vực cấm, khu vực đang trong thời gian cấm; sử dụng ngư cụ là vó đèn và ngư cụ bị cấm khác; sử dụng loại nghề bị cấm để khai thác thuỷ sản; vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước lòng hồ; sử dụng các loại chất nổ, chất độc, xung điện và các phương pháp có tính huỷ diệt khác.

5. Nuôi trồng giống thuỷ sản mới trong hồ chứa khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép và các loài thuỷ sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng. Nuôi

trồng thuỷ sản không theo quy hoạch làm cản trở dòng chảy, cản trở hoạt động khai thác thuỷ sản, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các ngành, nghề khác. Thả thuỷ sản nuôi trồng bị nhiễm bệnh vào nơi nuôi trồng hoặc vào các vùng nước tự nhiên.

6. Lợi dụng địa hình sông nước cư trú và tổ chức các hoạt động bất hợp pháp trong vùng lòng hồ;

7. Vận hành điều tiết nước hồ không đúng quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt;

8. Cấm mọi hoạt động trong vùng cấm thuỷ thuộc khu truyền năng lượng của hồ chứa thuỷ điện khi chưa được chủ đập cho phép;

9. Khai thác trái phép khoáng sản, vật liệu xây dựng trong khu vực vùng hồ, phá hoại cảnh quan thiên nhiên;

10. Đưa phương tiện không đủ điều kiện an toàn vào hoạt động trong vùng lòng hồ;

11. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu khi thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đập, hồ chứa nước;

12. Các hành vi bị cấm trong phạm vi bảo vệ đập và công trình liên quan của đập theo quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi.

Chương 2
QUẢN LÝ, BẢO VỆ AN TOÀN ĐẬP HỒ CHỨA NƯỚC

Điều 5. Quản lý an toàn đập hồ chứa nước trong việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đập

1. Việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước thuỷ lợi, thuỷ điện phải có thiết kế phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ theo quy định của Pháp luật về xây dựng. Quá trình thiết kế, thi công đập, ngoài việc phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy định về quản lý chất lượng xây dựng công trình còn phải đảm bảo các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định về an toàn đập. Cơ quan quản lý, thẩm định thiết kế xây dựng đập chú ý xem xét các nội dung để khắc phục các nhược điểm của các đập đã xây dựng trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Đối với đập thuỷ điện do doanh nghiệp đầu tư: Phải bố trí công trình đảm bảo xả lưu lượng tối thiểu, có thiết kế lắp đặt thiết bị quan trắc sự làm việc của đập, thiết bị quan trắc thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ và có hệ thống cảnh báo an toàn trong lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa; thiết kế đê quai dẫn dòng thi công phải đảm bảo chống được lũ thiết kế trong suốt giai đoạn thi công theo tiêu chuẩn thiết kế công trình thủy lợi;

b) Đối với đập thuỷ lợi thuộc sở hữu công cộng: Phải bố trí đường tràn xả lũ xây kiên cố; các cống tháo nước phải đảm bảo vận hành dễ dàng, các thiết bị đóng mở cửa van tháo nước phải làm nhà bao che bảo vệ;

c) Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m^3 trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m^3/giây trở lên; công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một 01 km trở lên phải xin ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Sau khi khởi công các đập tạo hồ chứa nước do doanh nghiệp hoặc Nhà nước đầu tư, chủ đầu tư phải thông báo các thông tin: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình cho chính quyền và các Sở, ngành liên quan để có kế hoạch kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định của Nhà nước về an toàn lao động, về quản lý chất lượng xây dựng, về phòng ngừa thiên tai và môi trường nhằm giảm thiểu khiếm khuyết, rủi ro trong xây dựng và sử dụng công trình sau này theo quy định sau:

a) Tất cả các đập thủy điện phải thông báo cho Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Lao động -TBXH, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, cấp xã nơi xây dựng đập;

b) Đối với các đập thuỷ lợi có dung tích toàn bộ từ 200.000 m^3 trở lên, hoặc đập cao từ 10 m trở lên thông báo cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - TBXH, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, cấp xã nơi xây dựng đập. Các đập còn lại thông báo cho UBND cấp huyện, cấp xã nơi xây dựng đập.

3. Đập do Nhà nước hoặc doanh nghiệp đầu tư chỉ được nghiệm thu để đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về an toàn đập (quy định tại Khoản 2, 3 Điều 16 Quy định này) kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các hồ sơ kỹ thuật giai đoạn xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo đập phải được chủ đầu tư lưu trữ đầy đủ và sao gửi cơ quan quản lý Nhà nước về an toàn đập theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

5. Quản lý an toàn đập đối với hồ do dân tự tạo:

a) Hồ làm mới phải có thiết kế kỹ thuật của tổ chức, cá nhân có giấy phép hành nghề thiết kế công trình thủy lợi lập, phù hợp với quy hoạch xây dựng của cấp xã và đảm bảo có công trình xả lũ, công trình tháo cạn kiên cố. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư phải báo cáo kế hoạch thi công với UBND cấp xã để theo dõi kiểm tra giám sát quá trình thực hiện;

b) Đối với hồ đã xây dựng, UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, nếu không đảm bảo an toàn thì yêu cầu tháo dỡ hoặc có biện pháp nâng cấp, gia cố đảm bảo an toàn.

Điều 6. Lập hành lang bảo vệ đập hồ chứa nước

1. Tất cả các hồ chứa thủy lợi, thủy điện do Nhà nước hoặc doanh nghiệp đầu tư có dung tích trữ nước từ 1 triệu m^3 trở lên phải cắm mốc chỉ giới khoanh vùng bảo vệ theo đường biên bằng cao trình đỉnh đập. Đối với hồ chứa còn lại

không phải cắm mốc nhưng phải lập hồ sơ, bản đồ địa chính khoanh vùng phạm vi bảo vệ hồ để quản lý đất đai mặt nước theo quy định của pháp luật;

2. Việc xác định phạm vi vùng lòng hồ, phạm vi vùng bảo vệ hồ, phạm vi vùng bán ngập, phạm vi bảo vệ nguồn nước hồ chứa, sẽ căn cứ hệ thống mốc chỉ giới được cắm theo cao trình đỉnh đập để xác định trên mặt cắt ngang trở xuống lòng hồ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Quy định này;

3. Các công trình đập tạo hồ chứa, và các công trình liên quan đến đập như cống, tuyến kênh dẫn, tuyến tràn xả lũ, nhà máy thủy điện phải cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ theo quy định của pháp luật hiện hành; đối với hồ thủy điện phải lắp đặt các phao báo hiệu vùng cấm thuỷ thuộc khu truyền năng lượng để cảnh báo nguy hiểm; đối với đập hồ chứa có kết hợp giao thông phải cắm biển báo giới hạn tải trọng xe cơ giới đi trên đập; đối với vùng hạ du ảnh hưởng ngập lụt do xả lũ phải cắm cọc thủy chí báo mực nước thượng, hạ lưu đập và các vị trí cảnh báo nguy hiểm cho người dân khu vực hạ du phục vụ công tác vận hành, đảm bảo an toàn đập.

4. Quy cách cắm mốc:

a) Đối với cắm mốc đường biên bằng cao trình đỉnh đập vùng lòng hồ: Khoảng cách tối đa không quá 300m cắm 01 mốc (trừ những vị trí có độ dốc lớn, vị trí có đường giao thông bằng với cao trình đỉnh đập hoặc lưu vực là rừng rậm, không có dân sinh và các hoạt động kinh tế, dịch vụ).

b) Đối với phạm vi bảo vệ đập, đường tràn xả lũ và các công trình liên quan cắm trên cạn tại các vị trí đỉnh của diện tích phạm vi bảo vệ công trình theo quy định pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi;

c) Cọc mốc xây dựng mới được đúc bằng bê tông cốt thép mác 200, kích thước: 20 x 20 x 100 (cm), Phần đầu cọc mỗi cạnh vát 10° chôn sâu 50 cm có đổ bê tông đế giữ chân móng kích thước 50x50x50 cm; phần thân cột ghi tên viết tắt công trình được cắm mốc, số hiệu cọc (theo hồ sơ cắm mốc), trên mặt móng ghi số cao trình đỉnh đập (chữ và số khắc chìm vào trong bê tông sâu 3-5mm, cao 6 cm, rộng nét 1cm); cột được sơn màu trắng, phần trên cùng cao 10 cm (từ đỉnh cột trở xuống) sơn màu đỏ;

d) Quy cách biển báo giới hạn tải trọng, biển báo giao thông trên mặt đập theo tiêu chuẩn thiết kế của đập và theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ số 41/2012/BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ giao thông vận tải. Riêng đối với đập đất cũ, không xác định được tiêu chuẩn thiết kế thì tùy theo chất lượng của đập để hạn chế phương tiện, đảm bảo không bị lún mặt đập nhưng tải trọng tối đa không quá 10 tấn.

5. Trách nhiệm của chủ đập:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có hồ chứa, lập phương án cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đập, hồ chứa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa thực hiện việc cắm mốc trên thực địa sau khi phương án cắm mốc xác định hành lang bảo vệ đập, hồ chứa được phê duyệt;

c) Bàn giao hồ sơ cắm mốc cho UBND cấp xã quản lý bảo vệ. Trường hợp vùng bảo vệ hồ bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Hồ sơ cắm mốc giới lưu bản gốc tại Sở Tài nguyên và Môi trường, lưu bản sao tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chủ đập;

d) Đối với các hồ chứa xây dựng mới, việc lập hành lang bảo vệ hồ, đập phải hoàn tất trước ngày hồ chứa được chính thức đưa vào vận hành khai thác; đối với các hồ chứa đang hoạt động nhưng chưa thực hiện cắm mốc thì phải hoàn thành việc xác định và bàn giao mốc giới trong vòng 01 năm, kể từ ngày quy định này có hiệu lực thi hành.

6. Chi phí cắm mốc do chủ đập chi phí. Trường hợp chủ đập là UBND cấp xã thì chi phí được trích trong khoản kinh phí ngân sách Nhà nước cấp qua ngân sách xã cho công tác quản lý duy tu bảo dưỡng thường xuyên hàng năm để thực hiện.

Điều 7. Quản lý an toàn đập sau đầu tư

1. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn đập thủy điện sau đầu tư, gồm các nội dung:

a) Kiểm tra hồ sơ lưu trữ trong quá trình đầu tư xây dựng đập phục vụ công tác đánh giá chất lượng công trình và sự phù hợp của công trình trong quá trình khai thác sử dụng;

b) Kiểm tra hồ sơ và tình hình thực hiện quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt các phương án đảm bảo an toàn đập gồm: Phương án bảo vệ đập; phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập; phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định bắt buộc phải thực hiện đối với chủ đập gồm: Đăng ký an toàn đập; giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực của đập; hồ sơ kiểm định an toàn đập; hồ sơ cắm mốc phạm vi bảo về hồ đập; kiểm tra việc lắp đặt và sử dụng các thiết bị quan trắc đập, thiết bị cảnh báo vùng lòng hồ, cảnh báo vùng hạ du và tài liệu, sổ sách theo dõi quan trắc, cảnh báo; kiểm tra công tác báo cáo theo quy định bắt buộc của chủ đập cho cơ quan quản lý Nhà nước về an toàn đập;

d) Kiểm tra công tác vận hành bảo trì đập gồm: Kiểm tra chế độ vận hành trong điều kiện bình thường, vận hành xả lũ, vận hành xả lưu lượng tối thiểu; kiểm tra các vụ việc ảnh hưởng xấu đến người dân, làm rõ nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục; kiểm tra thực hiện chế độ bảo dưỡng và kế hoạch sửa chữa, bảo trì công trình; kiểm tra về trách nhiệm phối hợp thông tin cảnh báo và thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đập.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan kiểm tra kế hoạch trồng rừng đầu nguồn các hồ thuỷ điện.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn và kiểm tra công tác quản lý an toàn đập thuỷ lợi sau đầu tư gồm những nội dung sau:

a) Hướng dẫn các chủ đập thủy lợi cử cán bộ trực tiếp trông coi, vận hành, bảo vệ đập; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý khai thác hồ chứa;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký an toàn đập; công tác lập và phê duyệt Phương án chung về bảo vệ đập, phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập, phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du; hướng dẫn chủ đập chuẩn bị vật tư, phương tiện, nhân lực sẵn sàng cho công tác ứng phó với tình huống cấp bách có thể xảy ra mất an toàn đập;

c) Kiểm tra và xử lý các tồn tại đã được phát hiện trong quản lý vận hành như: Xử lý các vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ đập; trồng cây, xây dựng công trình, vật kiến trúc xâm hại đập, cản trở dòng chảy trên tuyến tràn xả lũ; công tác tổ chức quản lý và phân bổ kinh phí duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đập;

d) Lập kế hoạch sửa chữa lớn hư hỏng sự cố của đập do Nhà nước đầu tư báo cáo cấp trên hỗ trợ sửa chữa;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra đối với chủ đập thực hiện công tác kiểm tra, lập báo cáo đánh giá an toàn đập thủy lợi trước, trong và sau mùa mưa lũ.

Điều 8. Quản lý vận hành điều tiết nước của hồ chứa

1. Chủ đập hoặc người được chủ đập uỷ quyền mới được trực tiếp vận hành điều tiết nước hồ chứa và phải thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa hoặc liên hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ đập thuỷ điện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các quy định về điều tiết nước sau đây để đảm bảo an toàn đập, hồ chứa:

a) Thực hiện vận hành xả lưu lượng tối thiểu đúng quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt trong suốt thời gian khai thác hồ chứa. Trường hợp lưu lượng nước đến thấp hơn lưu lượng tối thiểu thì được điều chỉnh giảm lưu lượng xả nhưng không thấp hơn 50% lưu lượng nước đến. Trường hợp đập đã xây dựng nhưng không bố trí cống xả đáy thì phải xả lưu lượng tối thiểu qua tuốc bin nhà máy thủy điện;

b) Thông báo bằng văn bản về chế độ vận hành điều tiết nước trong điều kiện bình thường theo quy trình vận hành ngay sau khi quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt cho Sở Công Thương, Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lân cận vùng hồ và hạ du. Trong thông báo phải nêu rõ dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước sông suối hạ du hồ ứng với các chế độ vận hành và những vấn đề cần cảnh báo nguy hiểm để nhân dân biết phòng tránh thiệt hại;

c) Trước khi vận hành công trình xả lũ phục vụ cắt lũ hoặc xả lũ khẩn cấp bảo vệ đập phải thông báo bằng văn bản cho các cơ quan gồm: Cơ quan phê duyệt quy trình vận hành; Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu

nạn tỉnh; Sở Công Thương; Sở Nông Nghiệp và PTNN (Văn phòng Thường trực PCTT và TKCN, Chi cục Thủy lợi và PCLB); Sở Tài nguyên và Môi trường; Đài dự báo khí tượng thủy văn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình; Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn có liên quan. Thông báo bằng tin nhắn cho các cơ quan trên tại các thời điểm bắt đầu xả lũ, thời điểm mực nước hạ du đạt mức báo động I, báo động II, báo động III và khi mực nước hạ du vượt báo động III phải thông báo tin nhắn một giờ một lần. Trường hợp có thông báo dự kiến xả lũ nhưng không thực hiện xả lũ do không xuất hiện yếu tố thời tiết nguy hiểm phải có thông báo hủy thông báo trước đó. Các cơ quan nhận thông báo tùy theo nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chỉ đạo cảnh báo cho nhân dân vùng có nguy cơ ngập lụt chủ động ứng phó.

d) Nghiên cứu phương án vận hành điều tiết nước tối ưu nhằm giảm lũ lụt cho vùng hạ du để trình cấp thẩm quyền điều chỉnh quy trình vận hành;

đ) Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du và lắp đặt các thiết bị cảnh báo tự động cho các khu dân cư bị ảnh hưởng ngập lụt theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

e) Tham gia đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì để đánh giá mức độ thiệt hại liên quan đến xả lũ hồ chứa hoặc liên hồ chứa ở khu vực hạ du để kịp thời có biện pháp hỗ trợ nhân dân vùng bị ảnh hưởng ngập lụt khắc phục thiệt hại khẩn cấp. Trường hợp xảy ra ngập lụt thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, nguyên nhân không do chủ đập vận hành sai quy trình thì các chủ đập liên quan xả lũ xuống vùng hạ du có trách nhiệm hỗ trợ giống cây trồng cho nhân dân khắc phục các diện tích giao đất hoặc thuê đất bị thiệt hại; trường hợp chủ đập vận hành sai quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xảy ra sự cố vỡ đập thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do xả lũ gây ra.

3. Chủ đập quản lý các hồ chứa thủy lợi phục vụ cộng đồng có trách nhiệm tổ chức vận hành, điều tiết nước đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:

a) Vận hành điều tiết nước tưới tiêu phải đảm bảo đúng nhu cầu sản xuất, tiết kiệm nước và đạt hiệu quả tưới tiêu cao nhất. Trong trường hợp thiếu nước phục vụ nhiều nhu cầu khác nhau thì vận hành ưu tiên cấp nước cho nhiệm vụ chính của hồ;

b) Thường xuyên kiểm tra tuyến tràn xả lũ đảm bảo luôn thông thoáng, không ách tắc dòng chảy; tổ chức lực lượng trực canh việc xả lũ trong mùa mưa lũ, sẵn sàng ứng phó với tình huống nước tràn qua thân đập hoặc mất an toàn đập;

c) Việc tháo cạn đột xuất hồ thủy lợi phải có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Chương III
QUẢN LÝ KHAI THÁC TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG HỒ CHỨA NƯỚC PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 9. Quản lý sử dụng đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ đập và trong vùng bảo vệ hồ chứa

1. Đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ đập, vùng cấm thủy và phạm vi bảo vệ các công trình liên quan của các đập do Nhà nước hoặc doanh nghiệp đầu tư xây dựng thuộc quỹ đất công, giao cho chủ đập quản lý bảo vệ theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác liên quan.

2. Đất, mặt nước trong phạm vi vùng bảo vệ hồ chứa, tính từ đường biên bằng cao trình đỉnh đập trở xuống lòng hồ, thuộc quỹ đất công giao cho UBND cấp xã quản lý, bảo vệ và được cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thuê khoán sử dụng theo Phương án sử dụng đất cho mục đích sản xuất nông lâm nghiệp được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thuê đất để đầu tư khai thác tiềm năng khác phải được UBND cấp tỉnh xét duyệt.

3. Xây dựng Phương án sử dụng đất vùng bảo vệ hồ cho mục đích sản xuất nông lâm nghiệp (sau đây gọi chung là Phương án sử dụng đất).

a) UBND cấp xã nơi có hồ chứa thành lập Tổ giúp việc quản lý thủy sản gồm 01 lãnh đạo xã làm tổ trưởng, cán bộ khuyến nông, cán bộ Ban Thủy lợi xã, cán bộ địa chính và cán bộ phụ trách an ninh trật tự để tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng Phương án sử dụng đất cho tất cả các hồ chứa trên địa bàn để trình UBND cấp huyện phê duyệt; tham mưu nghiệp vụ cho thuê đất; kiểm tra giám sát thực hiện Phương án sử dụng đất được duyệt.

b) Phương án sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chế độ điều tiết nước phục vụ mục đích chính là thủy lợi, thủy điện kết hợp với mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp; phải tính toán ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển kinh tế địa phương, tuân thủ các quy định về kỹ thuật của ngành, lĩnh vực liên quan và các quy định về bảo vệ cảnh quan, môi trường;

c) Các cơ quan chuyên môn Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng Phương án sử dụng đất mặt nước đối với các hồ trong phạm vi cấp xã; Sở Nông nghiệp và PTNT (Trung tâm Thủy sản) có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng Phương án đối với hồ liên xã, liên huyện;

d) Phương án sử dụng đất phải khoanh định được diện tích đất đang được sử dụng hợp pháp, diện tích dành cho thuê phát triển rừng, trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản theo mùa vụ bằng phương pháp lồng, bè và diện tích mặt nước còn lại cho phép khai thác đánh bắt thủy sản tự nhiên cho từng hồ chứa;

đ) Dự thảo phương án sử dụng đất phải lấy ý kiến tham gia của Chủ đập và được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa trong thời hạn ba mươi (30) ngày để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt.

4. Tổ chức thực hiện Phương án sử dụng đất trong vùng bảo vệ hồ chứa:

a) Phương án sử dụng đất trong vùng bảo vệ hồ chứa sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt phải được công bố công khai tại trụ sở Ủy ban

nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để thông báo cho nhân dân sinh sống ven hồ đăng ký thuê đất, mặt nước để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

b) UBND cấp xã là cấp có thẩm quyền cho thuê khoán đất, mặt nước theo phương án sử dụng đất được duyệt (gọi là bên giao khoán). Tổ giúp việc quản lý thủy sản tham mưu lựa chọn các đối tượng có đủ năng lực lao động, kỹ thuật và tài chính để trình UBND cấp xã quyết định ký hợp đồng thuê khoán và làm thủ tục giao đất trên bản đồ và thực địa.

c) Người đang sử dụng đất, mặt nước trong vùng bảo vệ hồ được pháp luật thừa nhận thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định đến hết thời hạn sử dụng thì phải trả lại Nhà nước để chuyển sang chế độ cho thuê khoán. Trường hợp sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ đập và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật;

d) Đối tượng nhận khoán đất, mặt nước (bên nhận khoán) là các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp đang cư trú hợp pháp trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có hồ chứa, trong đó ưu tiên hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng vào mục đích thủy điện, thủy lợi; trường hợp không có hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán mới xem xét giao khoán cho tổ chức; trường hợp nhu cầu thuê đất vượt quá quỹ đất dành cho thuê thì lựa chọn theo thứ tự ưu tiên đối tượng gia đình chính sách, gia đình khó khăn nhưng vẫn phải đảm bảo năng lực đầu tư, sản xuất.

đ) Đơn giá giao khoán đất vùng bán ngập do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định trên cơ sở giá đất nông nghiệp của địa phương. Tiền giao khoán đất vùng bảo vệ hồ chứa được quản lý, sử dụng như tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích của cấp xã;

e) Hình thức giao khoán đất, mặt nước:

- Giao khoán theo các mùa vụ đối với đất trồng cây hàng năm với tổng thời gian là 05 năm.

- Giao khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh đối với đất trồng cây lâu năm hoặc rừng trồng với tổng thời gian tối đa là 50 năm.

- Giao khoán theo vụ hoặc theo năm đối với đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản với tổng thời gian là 05 năm.

g) Hồ sơ và trình tự, thủ tục giao, nhận khoán theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12/4/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi;

Điều 10. Quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản

1. Việc kết hợp cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản trong vùng bảo vệ hồ chỉ áp dụng hình thức nuôi cá lồng, bè theo phương án sử dụng đất vùng bảo vệ hồ chứa được duyệt, không áp dụng hình thức cho thuê mặt nước nuôi thả cá tự do hộ, nhóm hộ (đối với hồ không áp dụng được hình thức cho thuê nuôi cá lồng cá bè) để tạo điều kiện mưu sinh cho nhiều người được hưởng lợi.

2. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nuôi trồng thuỷ sản trong hồ chứa có trách nhiệm chấp hành đúng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi trồng thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; không vi phạm quy định bị cấm tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này; chấp hành đúng ranh giới được thuê mặt nước, vị trí neo đậu lồng bè; khi phát sinh bệnh dịch phải kịp thời thông báo cho UBND xã và cơ quan chuyên môn về thủy sản; chấp hành việc thống kê báo cáo kết quả đầu tư, kết quả sản xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.

3. UBND cấp xã thường xuyên tổ chức kiểm tra các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong hồ chứa.

Điều 11. Quản lý hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản trong hồ chứa

1. Diện tích mặt nước trong hồ chứa không đưa vào phương án cho thuê nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè được sử dụng cho cộng đồng dân cư sinh sống ven hồ khai thác đánh bắt thủy sản và thực hiện các biện pháp bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

2. UBND cấp xã nơi có hồ chứa chịu trách nhiệm phối hợp các lực lượng bảo vệ, Tổ quản lý thủy sản của xã, tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của cơ quan chức năng cấp trên tổ chức thực hiện tốt các biện pháp quản lý sau đây:

a) Quản lý đối tượng tham gia đánh bắt thủy sản bằng cách tổ chức thống kê danh sách đối tượng tham gia đánh bắt và ký cam kết các nội dung không làm hủy diệt, cạn kiệt nguồn lợi thủy sản quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy định này để làm cơ sở kiểm tra giám sát, xử lý vi phạm.

b) Tổ chức tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của người tham gia đánh bắt thủy sản hiểu rõ trách nhiệm không làm hủy diệt, cạn kiệt tài nguyên thủy sinh trong vùng hồ, thu hút họ tham gia các hoạt động bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản phục vụ mưu sinh bền vững của cộng đồng;

c) Tổ chức các cuộc họp cộng đồng xây dựng các quy ước bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

d) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm cam kết đối với đối tượng đánh bắt thủy sản theo quy định của Pháp luật;

Điều 12. Quản lý tái tạo, phát triển nguồn lợi thuỷ sản trên hồ chứa

1. Sở Nông nghiệp và PTNT có nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh:

a) Ban hành chính sách bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản;

b) Công bố các nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về danh mục các loài thuỷ sản được ghi trong sách đỏ và các loài thuỷ sản khác bị cấm khai thác; danh mục các loài thuỷ sản bị cấm khai thác có thời hạn và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ bị cấm sử dụng hoặc bị hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thuỷ sản được phép khai thác; lập kế hoạch đầu tư sản xuất giống thuỷ sản để thả vào môi trường hồ chứa nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thuỷ sản.

c) Lập kế hoạch sản xuất giống thủy sản, định kỳ thả bù vào các hồ chứa;

d) Phối hợp với các địa phương hướng dẫn tập huấn kỹ thuật nuôi trồng, khai thác thủy sản; kiểm tra thực hiện chính sách kế hoạch về thủy sản vùng hồ chứa nước.

2. Chủ đập có trách nhiệm tham gia góp ý, phối hợp với UBND các xã ven hồ, hướng dẫn, kiểm tra các chủ thể hoạt động thủy sản nhằm giúp đỡ thúc đẩy sản xuất khai thác có hiệu quả và phòng tránh rủi ro thiệt hại. Định kỳ trích kinh phí hỗ trợ cộng đồng mua giống thủy sản thả bù vào hồ chứa nước.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản có nghĩa vụ thực hiện việc bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thuỷ sản trên hồ chứa bằng các hành động:

a) Chấp hành tốt các quy định, cam kết, hợp đồng về nuôi trồng đánh bắt thủy sản;

b) Thực hiện tốt các quy trình kỹ thuật trong nuôi trồng, khai thác thủy sản;

c) Tích cực tham gia ý kiến với cơ quan Nhà nước và trong cộng đồng tìm biện pháp nâng cao hiệu quả phương án sử dụng mặt nước hồ chứa. Quá trình khai thác đánh bắt có dấu hiệu suy giảm tài nguyên thuỷ sản trong hồ thì chính quyền địa phương họp các đối tượng tham gia khai thác tài nguyên mặt nước hồ chứa bàn bổ sung các cam kết và biện pháp phục hồi, tái tạo, phát triển nguồn lợi thuỷ sản như hạn chế số lượng đánh bắt, hạn chế sử dụng ngư cụ, phương tiện đánh bắt hiện đại hoặc vận động cộng đồng tham gia đóng góp tự nguyện để mua giống thủy sản thả vào hồ chứa nước.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, đánh giá xác định tiềm năng thủy sản hồ chứa để định hướng khai thác hợp lý và đầu tư phát triển nguồn lợi thuỷ sản các hồ chứa nước.

Điều 13. Quản lý hoạt động khai thác các tiềm năng khác của hồ chứa

1. Các hoạt động thăm dò nghiên cứu đầu tư khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở dịch vụ du lịch, giải trí, vận tải thủy trong vùng lòng hồ chỉ được tiến hành khi có dự án đầu tư, được UBND cấp xã, chủ đập, các Sở, ngành chuyên môn tham gia đồng tình và có giấy phép của UBND tỉnh;

2. Khi hồ chứa bị bồi lắng thu hẹp dung tích hữu ích, có nhu cầu nạo vét thanh thải để phục hồi dung tích thì chủ đập thủy điện có trách nhiệm huy động nguồn lực đầu tư nạo vét; chủ đập thủy lợi do Nhà nước đầu tư có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch sửa chữa, nạo vét trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ sửa chữa nạo vét. Khuyến khích các tổ chức cá nhân tự nguyện đầu tư nạo vét thanh thải lòng hồ để lợi dụng lấy đất, cát sỏi hoặc cải tạo điều kiện nuôi trồng thuỷ sản nhưng phải đảm bảo an toàn đập và không ảnh hưởng đến chủ thể khác. Trước khi thực hiện thi công nạo vét thanh thải lòng hồ, đơn vị thi công phải thông báo cho UBND các xã ven hồ ít nhất 03 tháng để thông báo đến các chủ thể khai thác hồ có biện pháp phòng tránh thiệt hại.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên giao, bên nhận khoán đất vùng bảo vệ hồ chứa

1. Trách nhiệm và quyền hạn bên giao khoán:

a) Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý và sử dụng đất vùng bảo vệ hồ chứa theo phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt;

- Xác định đúng diện tích, vị trí ranh giới đất giao khoán trên bản đồ và thực địa;

- Xây dựng và công bố công khai, dân chủ phương án giao khoán trước khi tiến hành giao khoán;

- Xem xét miễn giảm các khoản phải nộp cho bên nhận khoán theo hợp đồng khi có rủi ro xảy ra thiệt hại;

- Bồi thường thiệt hại cho bên nhận khoán theo quy định của pháp luật nếu vi phạm hợp đồng.

b) Quyền hạn:

- Huỷ bỏ hợp đồng giao khoán khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng và yêu cầu bên nhận khoán bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Tiến hành các biện pháp và thủ tục thu hồi diện tích đất giao khoán khi phát hiện đất giao khoán bị chuyển nhượng trái phép theo đúng quy định;

- Thu nộp và quản lý, sử dụng tiền giao khoán đất mặt nước theo quy định pháp luật về cho thuê khoán đất công ích của cấp xã;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng giao khoán, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ và quyền lợi của bên nhận khoán

a) Nghĩa vụ:

- Sử dụng đất vùng bán ngập theo đúng phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt và quy định của pháp luật;

- Chấp hành các qui định về phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; bảo vệ nguồn lợi của đất, nước theo quy định của pháp luật; cải tạo, bồi dưỡng đất, không làm thoái hóa và biến dạng cấu trúc, địa hình diện tích đất được nhận khoán;

- Thanh toán tiền nhận khoán cho bên giao khoán theo đúng hợp đồng hai bên đã ký kết;

- Trả lại đất nhận khoán khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật;

- Không được tự ý chuyển nhượng hợp đồng giao - nhận khoán dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của bên giao khoán. Khi bị phát hiện đã tự ý chuyển nhượng hợp đồng phải chấp hành việc huỷ hợp đồng, trả lại đất;

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước trong việc sử dụng đất. Bồi thường thiệt hại cho bên giao khoán nếu vi phạm hợp đồng; bị xử phạt hành

chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự nếu vi phạm pháp luật trong việc sử dụng đất được giao khoán.

b) Quyền lợi:

- Chủ động sản xuất trên diện tích đất nhận khoán, được hưởng thành quả đầu tư trên đất nhận khoán theo hợp đồng giao khoán đất vùng bán ngập;

- Được hưởng các chính sách ưu đãi về sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản của Nhà nước hiện hành trên diện tích được giao khoán theo quy định của tỉnh;

- Được bồi thường thiệt hại nếu bên giao khoán vi phạm hợp đồng;

- Được bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất đã nhận khoán để sử dụng vào mục đích khác;

- Được giảm các khoản phải nộp cho bên giao khoán theo quy định của pháp luật trong trường hợp bị thiên tai hoặc rủi ro do quá trình vận hành hồ chứa gây ra.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý bảo đảm an toàn đập, khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước các vùng lòng hồ đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mặt nước vùng bảo vệ hồ chi tiết đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất, mặt nước các vùng bảo vệ hồ chứa thuộc sở hữu cộng đồng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và công tác cắm mốc giới hành lang bảo vệ hồ, đập.

d) Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố kiểm tra xử lý các vấn đề của hồ chứa liên quan đến môi trường sinh thái, mất cân bằng nước và các tai biến về môi trường.

2. Sở Công Thương là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về an toàn đối với đập hồ thủy điện, có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các tồn tại và theo dõi quản lý về an toàn đập, hồ chứa thuỷ điện theo quy định pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành có liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng đập, hồ chứa thuỷ điện.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng đập, hồ chứa thuỷ điện.

d) Chỉ đạo và giám sát vận hành hợp lý các hồ chứa và liên hồ chứa thuỷ điện, quy trình xả lũ hợp lý các hồ chứa và lắp đặt các hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm để giảm thiệt hại do vận hành hồ chứa thuỷ điện;

đ) Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, xử lý, điều chỉnh hợp lý công tác khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường đối với hồ thủy điện.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về an toàn đối với đập hồ thủy lợi, là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các tồn tại và theo dõi quản lý về an toàn đập hồ thủy lợi theo quy định này và các quy định khác của pháp luật; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành có liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao các hồ thủy lợi trước khi bàn giao đưa vào vào sử dụng;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các đập, hồ chứa thuỷ lợi;

c) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, chủ đập, các cơ quan liên quan công tác phòng, chống thiên tai tổ chức kiểm tra đánh giá thiệt hại và chỉ đạo công tác khắc phục thiệt hại ở vùng hạ du do xả lũ hoặc sự cố liên quan đến đập hồ thủy lợi, thủy điện;

d) Hướng dẫn, chỉ đạo công tác lập phương án sử dụng đất hồ chứa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khai thác tài nguyên đất, mặt nước lòng hồ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Sở Xây dựng: Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình đập, hồ chứa thuỷ lợi, thuỷ điện về sự tuân thủ quy định pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng; thực hiện công tác giám định chất lượng, giám định sự cố công trình hồ đập khi được yêu cầu;

5. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì hướng dẫn kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành pháp luật giao thông trong vùng lòng hồ, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực sử dụng phương tiện và người lái trong hoạt động giao thông thuỷ theo quy định pháp luật; đề xuất và thẩm tra các dự án đầu tư mở dịch vụ vận tải thủy trong vùng lòng hồ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, công tác bảo tồn các giá trị văn hoá; đề xuất và thẩm định các dự án đầu tư dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch sinh thái khai thác tiềm năng các hồ chứa.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về sử dụng lao động và công tác an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng đập hồ chứa; tham gia các đoàn

kiểm tra về thiệt hại do xả lũ hồ chứa và thực hiện các biện pháp cứu trợ, bảo trợ xã hội.

8. Công an tỉnh có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp các lực lượng kiểm tra thanh tra, giám sát công tác bảo vệ an ninh trật tự, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản hợp pháp của nhân dân, công tác chấp hành pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trong vùng lòng hồ chứa, hướng dẫn UBND cấp xã kiểm tra các thủ tục cần thiết đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường hồ chứa.

9. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế phối hợp trong quản lý, bảo đảm an toàn đập và khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường vùng lòng hồ chứa trên địa bàn liên huyện theo quy định của pháp luật liên quan đến hồ chứa;

b) Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước chi tiết và khai thác tiềm năng hồ chứa;

c) Chỉ đạo, triển khai thực hiện tuyên truyền quy định này và các pháp luật liên quan đảm bảo an ninh trật tự, an toàn khu vực hồ chứa và khai thác hiệu quả hồ chứa.

10. UBND cấp xã thuộc vùng hồ chứa có trách nhiệm:

a) Quản lý chặt chẽ việc xây dựng hồ do dân tự tạo, chấn chỉnh việc xây dựng không theo quy hoạch, không đảm bảo kỹ thuật làm tăng nguy cơ mất an toàn khi có mưa lũ;

b) Triển khai kế hoạch trưng cầu ý dân tham gia vào phương án quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất, mặt nước hồ chứa và thực hiện công khai hoá theo quy định;

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất, mặt nước hồ chứa theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ hồ, đập đã được bàn giao. Phối hợp với các ngành liên quan trong quản lý đất đai, mặt nước, phương tiện hoạt động và an ninh trật tự trong vùng bảo vệ hồ trên địa bàn xã và liên xã;

đ) Lập danh sách, tổ chức hộ gia đình, cá nhân tham gia khai thác đánh bắt thuỷ sản tự nhiên; giải quyết và giúp đỡ cho các hộ gia đình trong diện thu hồi đất để xây dựng hồ chứa, hộ nghèo, gia đình chính sách được ưu tiên tham gia khai thác, thuê đất, mặt nước để sản xuất khai thác theo phương án sử dụng đất được duyệt;

e) Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra các thủ tục, năng lực đủ điều kiện hoạt động của tổ chức cá nhân trước khi triển khai hoạt động. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, hoặc đột xuất để xử lý các vi phạm cam kết, hợp đồng, các quy định pháp luật của các đối tượng tham gia khai thác sử dụng tài nguyên môi trường hồ chứa;

f) Thực hiện quyền giám sát, phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong vùng lòng hồ chứa.

11. Chủ đập có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng công tác quản lý khai thác vận hành công trình phục vụ cho mục tiêu chính được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại công trình gây mất an toàn đập;

c) Đóng góp kinh phí theo quy định để thực hiện các yêu cầu của công tác quản lý Nhà nước đối với hồ, đập;

d) Tham gia công tác đánh giá và đóng góp kinh phí khắc phục thiệt hại do thiên tai vùng hạ du đập do xả lũ hoặc sự cố đập;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, Phương án sử dụng đất, mặt nước, dự án đầu tư trong khu vực hồ chứa;

e) Chủ trì huy động nhân lực vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai; thường xuyên kiểm tra phát hiện sự cố hư hỏng đập và các công trình có liên quan để chủ động duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hoặc báo cáo cấp trên giúp đỡ khi cần thiết.

12. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đăng ký hoạt động trên vùng lòng hồ chứa có trách nhiệm: chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành và quy định này; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và chủ đập trong việc đảm bảo an ninh trật tự; đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của mình và người khác; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng; thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động do mình thực hiện; chấp hành nghiêm các quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện để phối hợp tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai trong khu vực khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân chấp hành thực hiện tốt quy chế này, phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động của các tổ chức, cá nhân gây tổn hại đến tài nguyên và môi trường, công trình và tài sản của nhà nước, của tổ chức, cá nhân khác do không thực hiện đúng quy định này sẽ phải bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Các sở ngành chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn giúp đỡ các địa phương thực hiện tốt quy chế này.

2. UBND các cấp có hồ chứa thuỷ lợi, thuỷ điện chủ động tổ chức thực hiện quy chế này, phối hợp với các sở ngành giám sát hoạt động của chủ đập và

các tổ chức cá nhân tham gia khai thác tổng hợp tài nguyên môi trường vùng lòng hồ chứa.

3. Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong